

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 52/2017/HSST

Ngày: 28/09/2017.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trí Lý
- Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Hằng và ông Phan Xuân Thắng.
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar.
- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Phụng - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 28/09/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự đã thụ lý số: 47/2017/HSST, ngày 04/09/2017; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2017/QĐST-HS, ngày 13 tháng 09 năm 2017, đối với bị cáo:

Phạm Ngọc H, sinh ngày 16/07/1997, tại: Đăk Lăk. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn N, xã P, huyện K, tỉnh Đăk Lăk; nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 08/12; Dân tộc: Mường; con ông Phạm Ngọc B, sinh năm 1969 và bà Trương Thị D, sinh năm 1976; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo hiện đang được tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

- **Người bị hại:** Ông Võ Tá A - Sinh năm 1962 (đã chết).
- **Người đại diện hợp pháp cho người bị hại:** Bà Vũ Thị T, sinh năm 1964 (là vợ của ông Võ Tá A); ông Võ Nguyễn G, sinh năm 1990 và ông Võ Anh D (là con của ông Võ Tá A). Cùng trú tại: Thôn P, xã S, huyện K, tỉnh Đăk Lăk.
- Người đại diện theo ủy quyền của ông G, ông D: Bà Vũ Thị T (có mặt).
- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Ông Phạm Ngọc B – sinh năm 1969 và bà Trương Thị D, sinh năm 1976. Cùng trú tại: Thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đăk Lăk. (có mặt)
- **Những người làm chứng:**
 1. Bà Phạm Thị V, sinh năm 1968. Trú tại: Thôn S, xã P, huyện K, tỉnh Đăk Lăk. (vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1980. Trú tại: Thôn S, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)
3. Ông Phạm Văn L, sinh năm 1983. Trú tại: Thôn S, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)
4. Ông Phạm Văn P, sinh năm 1965. Trú tại: Thôn S, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ, ngày 08/05/2017, ông Võ Tá A điều khiển xe ô tô tải biển số 47C-142.36 lưu thông trên đường liên xã P – E, khi điều khiển xe chạy đến đoạn đường Km6+550m, thuộc địa bàn thôn S, xã P, huyện K thì xe ô tô hết dầu, nên ông A cho xe dừng lại bên phải đường nhưng không bật đèn báo hiệu cho xe dừng, rồi đi mua dầu. Khoảng 21 giờ 15 phút cùng ngày, Phạm Ngọc H điều khiển xe mô tô biển số 47F1-150.32, đi từ nhà ở thôn N, xã P, lưu thông trên đường liên xã theo hướng P – E. Đến khoảng 21 giờ 30 phút, khi chạy đến gần quán tạp hóa O, H điều khiển xe với vận tốc 70km/h, chạy trên phần đường bên phải theo hướng đi, lúc này trời tối, H có bật đèn chiếu sáng nhưng ở cự ly gần. Sau khi điều khiển xe chạy qua quán tạp hóa O, phát hiện phía trước khoảng 5m có xe ô tô đang đậu phía trước bên phần đường bên phải, H điều khiển xe sang trái nhưng do khoảng cách quá gần, tránh không kịp nên tay lái bên phải xe mô tô đã va vào góc sau bên trái xe ô tô. Khi xe mô tô va chạm vào xe ô tô, thì xe mô tô ngã nghiêng sang trái, H không xử lý được nên để xe mô tô tiếp tục lao về phía trước rồi va chạm vào ông Võ Tá A, làm ông A, H và xe mô tô ngã xuống đường. Hậu quả, ông A, H bị thương được người dân đưa đi cấp cứu, sau đó ông A tử vong, xe mô tô bị hư hỏng.

Kết quả khám nghiệm hiện trường:

Hiện trường nơi xảy ra tai nạn thuộc Km6+550m đường liên xã E –P (thuộc địa bàn thôn S, xã P, K, tỉnh Đắk Lắk). Là đoạn đường thẳng, được rải nhựa bằng phẳng, mặt đường nhựa rộng 5^m50, ở giữa mặt đường được kẻ vạch sơn trắng đứt quãng chia mặt đường thành hai phần bằng nhau. Trên mặt đường nhựa có vạch sơn kẻ đường “Dành cho người đi bộ qua đường”, bên phải đường theo hướng P – E có biển báo “Giao nhau với đường không ưu tiên”. Bên trái đường theo hướng P- E có ngã ba đường vào thôn T, xã N, huyện K. Lấy mép đường bên trái theo hướng P –E, làm mép đường chuẩn cho số đo của các dấu vết và các phương tiện để lại tại hiện trường.

Nạn nhân (ông Võ Tá A) sau tai nạn nằm ở tư thế ngã ngửa bên phần đường nhựa bên phải theo hướng P – E, tâm đầu nạn nhân cách mép đường chuẩn là 3^m55.

Dấu vết màu đỏ (nghi là máu) kích thước 0^m60 x 0^m25 nằm trên phần đường nhựa bên phải theo hướng P – E. Đầu vết màu đỏ nằm ngay vị trí tâm đầu nạn nhân và cách mép đường chuẩn 3^m55. Đuôi vết màu đỏ cách mép đường chuẩn là 4^m10.

Xe ô tô biển số 47C – 142.36, sau tai nạn đầu sát lề đường bên phải theo hướng P – E. Đầu xe quay về hướng E, góc trước bên trái xe cách mép đường chuẩn 4^m01. Trục trước bên trái xe cách mép đường chuẩn 4^m00 và cách tâm đầu nạn nhân 5^m10. Trục sau cách mép đường chuẩn 4^m22, góc sau bên trái cách mép đường chuẩn 4^m12.

Xe mô tô biển số 47F1 – 150.32 sau tai nạn ngã sang trái trên phần đường nhựa bên trái theo hướng P – E. Đầu xe hướng về mép đường chuẩn, do từ trục bánh trước vào mép đường chuẩn là 0^m86. Đo từ trục bánh sau vào mép đường chuẩn là 2^m00 và đến trục trước bên trái xe ô tô là 2^m15. Sau tai nạn xe mô tô có để lại trên mặt đường nhựa vết xước dài 1^m20 do đầu bàn gác chân trước bên trái tác động xuống mặt đường tạo nên. Đầu vết xước cách mép đường chuẩn 2^m52. Đuôi vết xước nằm ngay vị trí đầu bàn gác chân trước bên trái xe mô tô và cách mép đường chuẩn 1^m46.

Căn cứ vào dấu vết để lại tại hiện trường và dấu vết của các phương tiện để lại xác định: Điểm đụng thứ 1 giữa xe mô tô biển số 47F1 – 150.32 với xe ô tô biển số 47C – 142.36: Nằm ngay góc sau bên trái xe ô tô, chiều vuông góc với mặt đường và đo vào mép đường chuẩn là 4^m12, điểm đụng thứ 1 đo đến tâm trục sau xe mô tô là 5^m60. Điểm đụng thứ 2 giữa xe mô tô biển số 47F1 – 150.32 với ông Võ Tá A, nằm bên phần đường nhựa bên phải theo hướng từ P -E. Điểm đụng thứ 2 đo đến tâm trục sau bên trái xe ô tô là 1^m24, đo đến tâm trục sau xe mô tô là 2^m12, điểm đụng 2 đo đến tâm đầu nạn nhân (ông A) là 6^m80. Khoảng cách đo từ điểm đụng 1 đến điểm đụng 2 là 2^m73.

Kết quả khám nghiệm phương tiện:

- Xe ô tô biển số 47C – 142.36 sau tai nạn có các dấu vết:

Mặt ngoài thùng xe bên trái để lại vết chà cao su có chiều hướng từ sau ra trước kích thước 1^m94 x 0^m04. Đầu vết chà nằm ngay vị trí góc sau bên trái, tâm cách mặt đất 95^{cm}, đuôi vết chà cách mặt đất 98^{cm}. Đuôi vết chà cách tâm trục sau bên trái 70^{cm}.

Mặt ngoài lốp sau (lốp ngoài cùng) bên trái để lại 02 vết chà cao su:

+ Vết chà 01 kích thước 26^{cm} x 10^{cm}, tâm vết chà cách tâm số “0” trong dãy số “650 – 16LT” là 45^{cm}.

+ Vết chà 02 kích thước 25^{cm} x 8^{cm}, tâm vết chà cách tâm chữ “T” trong dãy chữ “CHENG SHIN TIRE” 44^{cm}.

- Xe mô tô biển số 47F1 – 150.32 sau tai nạn có các dấu vết:

+ Mặt ngoài đầu tay lái bên phải bị mài mòn cao su kích thước 3x2^{cm}

+ Mặt ngoài đầu cần thắng trước bị mài mòn kim loại và dính sơn màu xanh kích thước 2x1^{cm}.

+ Gương chiếu hậu bên phải bị rời khỏi xe.

+ Mặt ngoài yếm chắn gió bên phải để lại vết sạch bụi và in hình vải sợi kích thước 30^{cm} x 13^{cm}.

+ Đầu bàn gác chân trước bên phải bị cong về sau 10^{cm} so với vị trí ban đầu.

+ Đầu cần đạp thắng sau cong gập về sau 40^{cm} so với vị trí ban đầu.

+ Đầu bàn gác chân trước bên trái bị mài mòn kim loại kích thước 1^{cm}x 0,5^{cm}.
Bàn gác chân cong về sau 3^{cm} so với vị trí ban đầu.

+ Hộp nhựa đầu xe bị nứt.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 xe ô tô biển số 47C – 142.36; 01 xe mô tô biển số 47F1 – 150.32.

Tại bản kết luận pháp y tử thi số 255/PY-T.Th, ngày 25/05/2017 của Trung tâm pháp y – thuộc Sở y tế Đắk Lắk, kết luận: Nguyên nhân tử vong của ông Võ Tá A là choáng chấn thương, chấn thương sọ não nặng do tai nạn giao thông.

Tại bản cáo trạng số 47/KSĐT-HS, ngày 22/08/2017, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo Phạm Ngọc H về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo điểm a, Khoản 2, Điều 202 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Ngọc H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố và lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar giữ quyền công tố Nhà nước, kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong công tác xét xử tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Phạm Ngọc H về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a Khoản 2 Điều 202; điểm b, p Khoản 1 Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 03 năm 03 tháng tù đến 03 năm 09 tháng tù.

- **Về xử lý vật chứng:** Căn cứ Điều 42 Bộ luật hình sự; điểm b Khoản 2 Điều 76 Bộ Luật tố tụng hình sự: Chấp nhận việc Cơ quan điều tra – Công an huyện Ea Kar trả lại 01 chiếc xe ô tô biển số 47C-142.36 cho bà Vũ Thị T và trả lại 01 chiếc xe mô tô biển số 47F1-150.32 cho bà Trương Thị D là chủ sở hữu hợp pháp.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa các bên và tại phiên tòa không yêu cầu gì thêm nên không đặt ra để giải quyết.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận đối với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện hợp pháp cho người bị hại không có ý kiến tranh luận đối với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không yêu cầu giải quyết về trách nhiệm dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Ngọc B, bà Trương Thị D không yêu cầu giải quyết về phần trách nhiệm dân sự trong vụ án.

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa hôm nay, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ thu thập lưu hồ sơ vụ án, lời khai nhận tội của bị cáo, lời khai của người đại diện hợp pháp cho người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, quan điểm của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường nơi xảy ra tai nạn, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, thể hiện: Vào khoảng 21 giờ 30 phút, ngày 08/05/2017, tại km 06+550, thuộc đường liên xã P - E, thuộc địa phận thôn S, xã P, huyện K, Phạm Ngọc H không có bằng lái xe theo quy định, đã để xe mô tô biển số 47F1-150.32 do mình điều khiển va chạm vào bên trái đuôi xe ô tô biển số 47C-142.36 của ông Võ Tá A đang đậu bên lề đường bên phải, sau va chạm xe mô tô do H điều khiển tiếp tục lao về phía trước và đâm vào ông Võ Tá A đang đứng bên trái xe ô tô. Hậu quả làm ông A tử vong sau khi được đưa đi cấp cứu. Như vậy, đã có đủ cơ sở để xác định, hành vi của bị cáo Phạm Ngọc H đã cấu thành tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự.

Theo Điều 202 Bộ luật hình sự quy định:

1/ Người nào điều khiển phương tiện giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho tính mạng hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng cho sức khỏe, tài sản của người khác, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến năm năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm:

a) Không có giấy phép hoặc bằng lái xe theo quy định;

.....

Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra là rất nguy hiểm cho xã hội. Bởi lẽ, hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến trật tự, an toàn giao thông đường bộ; bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực nhận thức và năng lực điều khiển hành vi để biết được rằng, việc điều khiển xe mô tô là nguồn nguy hiểm cao độ, phải có giấy phép lái xe theo quy định về điều khiển phương tiện đối với loại xe mô tô trên 50cm³, cũng như phải tuân thủ các quy tắc của luật giao thông đường bộ khi tham gia giao thông. Mặc dù nhận thức được như vậy, nhưng với ý thức coi thường pháp luật, xem thường tính mạng, sức khỏe của người khác, trong khi không có giấy phép lái xe theo quy định, bị cáo vẫn cố tình điều khiển xe mô tô biển số 47F1-150.32 tham gia giao thông. Khi tham gia giao thông, mặc dù trời tối, điều kiện ánh sáng không đảm bảo, buộc bị cáo phải giảm tốc độ để kịp thời quan sát để tránh các phương tiện khác tham gia giao thông, nhưng do chạy xe với tốc độ cao 70km/h, cùng với việc người bị hại ông Võ Tá A khi dừng xe đã không thực hiện các biện pháp báo hiệu xe dừng, nên khi bị cáo phát hiện xe ô tô của ông A đang đậu bên lề phải phía trước ở khoảng cách quá gần, đã không làm chủ được tốc độ, để xảy ra tai nạn. Hành vi của bị cáo đã vi phạm Điều 5 thông tư số: 91/2015/TT-BGTVT, ngày 31 tháng 12 năm 2015, do vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar truy tố bị cáo về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, xét: bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; Sau khi gây tai nạn bị cáo cùng gia đình đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại do mình gây ra và được gia đình người bị hại làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt; Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; nguyên nhân gây ra tai nạn cũng có một phần lỗi của người bị hại khi không sử dụng các biện pháp báo hiệu cho các phương tiện tham gia giao thông khác biết khi đậu xe trên đường bộ; hơn nữa bị cáo là người dân tộc thiểu số, nên trình độ nhận thức có phần hạn chế. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo đối với bị cáo, đồng thời góp phần răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

- **Về xử lý vật chứng:** Căn cứ Điều 42 Bộ luật hình sự; điểm b Khoản 2 Điều 76 Bộ Luật tố tụng hình sự: Chấp nhận việc Cơ quan điều tra – Công an huyện Ea Kar trả lại 01 chiếc xe ô tô biển số 47C-142.36 cho bà Vũ Thị T và trả lại 01 chiếc xe mô tô biển số 47F1-150.32 cho bà Trương Thị D là chủ sở hữu hợp pháp.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa các bên và tại phiên tòa không yêu cầu gì thêm nên không đặt ra để giải quyết.

* **Về án phí:** Căn cứ Điều 99 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí. Bị cáo Phạm Ngọc H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc H phạm tội “*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*”.

Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 202; Điểm b, p Khoản 1 Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Căn cứ Điều 99 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí

Xử phạt: Bị cáo Phạm Ngọc H 03 (ba) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

- **Về xử lý vật chứng:** Căn cứ Điều 42 Bộ luật hình sự; điểm b Khoản 2 Điều 76 Bộ Luật tố tụng hình sự: Chấp nhận việc Cơ quan điều tra – Công an huyện Ea Kar trả lại 01 chiếc xe ô tô biển số 47C-142.36 cho bà Vũ Thị T và trả lại 01 chiếc xe mô tô biển số 47F1-150.32 cho bà Trương Thị D là chủ sở hữu hợp pháp.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa các bên và tại phiên tòa không yêu cầu gì thêm nên không đặt ra để giải quyết.

* **Về án phí:** Bị cáo Phạm Ngọc H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, Người đại diện hợp pháp cho người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea Kar;
- THADS huyện K;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo
- Các đương sự;
- THA HS, lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Trí Lý